

PHỤ LỤC 2. BỘ CHỈ SỐ AN TOÀN NĂM 2025

I. BỘ CHỈ SỐ AN TOÀN NĂM 2025 THEO CHƯƠNG TRÌNH AN TOÀN QUỐC GIA – SSP

	Chỉ số	2024		2025			
		Mục tiêu	Thực hiện	Mục tiêu	Ngưỡng cảnh báo		
					Thấp	TB	Cao
1	Tai nạn mức A /10,000 chuyến bay	0	0	0	0	0	0
2	Sự cố mức B/10,000 chuyến bay	0	0	0	0	0	0
3	Sự cố mức C/10,000 chuyến bay	0.19	0	0.14	0.3	0.53	0.76
4	Sự cố mức D/10,000 chuyến bay	0.26	0.62	0.36	1.24	1.84	2.44
5	Vụ việc mức E/10,000 chuyến bay	8.1	7.26	8.05	11.6	15.85	20.1
6	Sự cố tắt động cơ trên không/10,000 chuyến bay	0	0	0	0.16	0.32	0.48
7	Sự cố tàu bay va chạm với phương tiện mặt đất/10,000 lần khởi hành	0.07	0.23	0.00	0.69	1.13	1.57
8	Nhân viên bị thương khi làm nhiệm vụ/100 nhân viên/năm	0.1	0	0.1	0.11	0.12	0.13
9	Vi phạm an ninh hàng không /10,000 lần chuyến	5.25	7.03	7.03	8.25	9.25	10.25
10	Tiếp cận không ổn định/10,000 chuyến	8.42	7.81	7.73	11.69	15.42	19.14
11	Chỉ số các điểm không phù hợp trên cuộc đánh giá của NCT	1.51	1.29	1.51	N/A	N/A	N/A

II. BỘ CHỈ SỐ AN TOÀN NĂM 2025 THEO TÀI LIỆU SMSM

	Chỉ số	2024		2025			
		Mục tiêu	Thực hiện	Mục tiêu	Ngưỡng cảnh báo		
					Thấp	TB	Cao
1	Tàu bay bị chìm va đập (MOR)	1.78	0.77	1.2	1.69	2.59	3.49
2	Tàu bay bị sét đánh (MOR)	1.55	0.85	1.3	2.09	3.31	4.52
3	Tàu bay lẫn nhầm đường CHC hoặc đường lẫn (MOR)	0.23	0.08	0.23	0.39	0.69	0.99
4	Tàu bay xông ra khỏi đường CHC hoặc đường lẫn (MOR)	0.12	0.00	0.12	0.14	0.16	0.17
5	Đình chỉ cất cánh (MOR)	0.16	0.31	0.31	0.84	1.38	1.92
6	Các sự cố về hoạt động không lưu (MOR)	0.16	0.00	0.16	0.48	0.82	1.15
7	Cảnh báo va chạm RA của hệ thống cảnh báo va chạm - TCAS-RA (MOR)	0.16	0.08	0.16	0.31	0.55	0.79
8	Báo cáo MOR (sự cố, vụ việc) lĩnh vực kỹ thuật và bảo dưỡng tàu bay	2.92	3.91				
8.1	Sự cố C, D lĩnh vực kỹ thuật		0.15	0.15	0.34	0.52	0.70
8.2	Vụ việc mức E		3.91	4.10	4.95	5.98	7.05
8.3	Sự cố, vụ việc trong bảo dưỡng tàu bay		0.23	0.22	0.43	0.64	0.84
9	Báo cáo bắt buộc theo Quy chế Báo cáo ATHK (MOR)	8.55	7.88	8.55	12.48	16.97	21.46
10	Vật ngoại lai gây hư hại vỏ tàu bay và động cơ	7.7	8.43	7.70	10.21	12.71	15.22
11	Va chạm giữa trang thiết bị mặt đất với tàu bay (MOR)	0.00	0.23	0.00	0.69	1.13	1.57
12	Mất an toàn trong vận chuyển hàng nguy hiểm trên 1,000 lô DG (MOR)	0.00	0.10	0.00	0.31	0.51	0.70

	Chỉ số	2024		2025			
		Mục tiêu	Thực hiện	Mục tiêu	Ngưỡng cảnh báo		
					Thấp	TB	Cao
13	Sự cố mất an toàn trong chất xếp hành lý, hàng hóa, cân bằng trọng tâm trọng tải (MOR)	0.00	0.00	0.00	0.54	0.93	1.32
14	Dữ liệu đầu vào Hệ thống Phân tích dữ liệu bay (AGS/LOMS)	A350: 95%; A321-WQAR: 95%; B787: 95%; A321-QAR: 90%; A321NEO: 95%; ATR72: 95% Total: 94%	A350: 93%; A321-WQAR: 92%; B787: 95%; A321-QAR: 92%; A321NEO: 88%; A320NEO: 91% ATR: 98% Total: 93%	A350: 95%; A321-WQAR: 95%; B787: 95%; A321-QAR: 90%; A321NEO: 95%; A320NEO: 95%; ATR: 95% Total: 94%	-	-	-
15	Sự cố vụ việc liên quan đến yếu tố con người (MOR)	1.06	1.62	1.62	2.47	3.32	4.17
16	Số lượng báo cáo ATCL trên AQD/năm	3780	4007	4500 b/c	-	-	-

III. BỘ CHỈ SỐ AN TOÀN LĨNH VỰC KHAI THÁC BAY – SAG1

STT	Chỉ số	Mục tiêu 2024	Thực hiện 2024	Mục tiêu 2025	Mức độ AT chấp nhận được (AloS) 2025		
					Cảnh báo AT mức thấp	Cảnh báo AT mức TB	Cảnh báo AT mức cao
	Tỉ lệ sự cố, vụ việc ABCDE / 10,000 cb						
1	Tỉ lệ sự cố AB	-		0	-	-	-

STT	Chỉ số	Mục tiêu 2024	Thực hiện 2024	Mục tiêu 2025	Mức độ AT chấp nhận được (AloS) 2025		
					Cảnh báo AT mức thấp	Cảnh báo AT mức TB	Cảnh báo AT mức cao
2	Tỉ lệ sự cố C	-		0	-	-	-
3	Tỉ lệ sự cố D	-		≤ 0.31	-	-	-
4	Tỉ lệ vụ việc E	-		≤ 4.63	-	-	-
5	Tỉ lệ vụ việc mức 3 / 10,000 cb	≤ 2.35	1.8	≤ 2.25	3.36	4.48	5.59
6	B787	≤ 2.26	1.32	≤ 2.15	5.02	7.9	10.77
7	A350	≤ 1.8	2.03	≤ 2.1	6.84	11.59	16.33
8	A321	≤ 2.08	1.83	≤ 1.98	3.46	4.94	6.41
9	ATR72	≤ 5.41	0	≤ 5.14	14.06	22.97	31.89
10	Tỉ lệ vụ việc mức 2 / 10,000 cb	≤ 216	153	≤ 205	215.97	226.94	237.92
11	B787	≤ 9.44	3.96	≤ 8.97	11.84	14.72	17.59
12	A350	≤ 10.55	7.12	≤ 10.02	15.69	21.37	27.04
13	A321	≤ 192.15	183	≤ 182.54	199.37	216.2	233.02
14	ATR72	≤ 467.5	406	≤ 444.13	597.25	750.37	903.5
15	Tỉ lệ vụ việc mức 1 / 10,000 cb	≤ 1353	789	≤ 1285	1342.27	1399.55	1456.82
16	B787	≤ 741.75	619	≤ 705	832.52	960.04	1087.56
17	A350	≤ 662.73	290	≤ 630	724.63	819.27	913.9
18	A321	≤ 881.48	844	≤ 837	938.08	1039.16	1140.25
19	ATR72	≤ 1943.93	1250	≤ 1846.73	2378.8	2910.87	3442.95

STT	Chỉ số	Mục tiêu 2024	Thực hiện 2024	Mục tiêu 2025	Mức độ AT chấp nhận được (AloS) 2025		
					Cảnh báo AT mức thấp	Cảnh báo AT mức TB	Cảnh báo AT mức cao
	Hoạt động trong khoang khách						
20	Tỉ lệ TV mở cửa MB sai quy định/ 10,000 cb	≤ 0.09	0.08	≤ 0.08	0.30	0.51	0.73
21	Tỷ lệ TV kiểm tra an ninh tàu bay trước chuyến bay chưa đúng quy định/ 100 chuyến bay	-		≤ 10.0	17.04	20.89	24.74
22	Tỷ lệ TV chưa tuân thủ quy trình quản lý nhiễu động trên chuyến bay/ 100 chuyến bay	-		≤ 5.0	8.39	10.20	12.02
23	TV không kiểm tra phanh xe đẩy (trolleys) trước chuyến bay/ 100 chuyến bay	-		≤ 6.0	10.32	12.52	14.72
	Điều hành khai thác						
24	Lỗi cập nhật tài liệu, dữ liệu khai thác	10 error/năm và không quá 01 error/tháng		≤ 10 error/ năm	03 error/ quý 02 error/ tháng	04 error/ quý 02 error/ tháng	05 error/ quý 02 error/ tháng
25	Chuyến bay thiếu phép bay	-		≤ 01 error / tháng ≤ 02 error / quý ≤ 08 error / năm	02 error/ quý	03 error/ quý	04 error / quý
26	Chuyến bay áp dụng MEL/CDL chưa đúng	-		≤ 03 error / tháng ≤ 08 error / quý ≤ 20 error / năm	6 chuyến/ tháng	7 chuyến/ tháng	8 chuyến/ tháng

STT	Chỉ số	Mục tiêu 2024	Thực hiện 2024	Mục tiêu 2025	Mức độ AT chấp nhận được (AloS) 2025		
					Cảnh báo AT mức thấp	Cảnh báo AT mức TB	Cảnh báo AT mức cao
27	Báo cáo an toàn tự nguyện trên hệ thống AQD	-		>108BC/năm > 9BC/tháng	< 8BC/tháng	< 6 BC/tháng	< 4 BC/tháng

IV. BỘ CHỈ SỐ AN TOÀN LĨNH VỰC KỸ THUẬT – SAG2

STT	Chỉ số	Mục tiêu 2024	Thực hiện 2024	Mục tiêu 2025	% tăng/giảm so với TH 2024	Các ngưỡng cảnh báo			Lý do
						Thấp	TB	Cao	
1	Sự cố C, D lĩnh vực kỹ thuật (vv/10,000 cb)		0.15	0.15	Bằng	0.34	0.52	0.70	Để đảm bảo chỉ số được quản trị, phản ánh đúng, đủ, Tổ SAG#2 đã thống nhất thống kê, báo cáo các vụ việc phải báo cáo MOR bởi các chỉ số cụ thể, theo mức độ và nguyên nhân.
	Vụ việc mức E (vv/10,000 cb)		3.91	4.10	Tăng 5%	4.95	5.98	7.05	
	Sự cố, vụ việc trong bảo dưỡng tàu bay		0.23	0.22	Giảm 5%	0.43	0.64	0.84	
	Sự cố, vụ việc do sai lỗi con người		1.07	1.02	Giảm 5%	1.58	2.09	2.6	
2	Nhân nhượng loại 1 (MEL, CDL, AMM, SRM)	15.19	33.03	25.21	TB 6 tháng cuối năm	35.66	46.17	52.74	Các khó khăn trong công tác cung ứng PTVT vẫn tiếp diễn, chưa có giải pháp triệt để. Các vấn đề phát sinh liên quan đến các HĐ Pooling
	Nhân nhượng loại 2,3,4,5,6 (AMS, CMS, MME, AMP)		26.88	24.2	Giảm 10%	34.35	44.5	54.65	Tiếp tục triển khai các chương trình đánh chặn, phòng ngừa và nâng cao công tác phối hợp giữa các đơn vị khối KT và khối Khai thác bay để đảm bảo mục tiêu.
3	Gián đoạn khai thác vì lý do kỹ thuật (vv/10,000cb)	11.39	7.66	7.28	Giảm 5%	8.97	10.27	11.57	

STT	Chỉ số	Mục tiêu 2024	Thực hiện 2024	Mục tiêu 2025	% tăng/giảm so với TH 2024	Các ngưỡng cảnh báo			Lý do
						Thấp	TB	Cao	
4	Vụ việc cắt lớp (vv/10,000 cb)	8.77	5.67	5.67	Bằng	6.84	8.00	9.17	Kiểm soát tốt các trường hợp cắt lớp ở đường CHC, sân đỗ
5	Vụ việc PDA (vv/10,000 cb)	2.42	1.69	1.69	Bằng	2.23	2.77	3.31	Kiểm soát tốt các trường hợp rơi các thiết bị từ máy bay
6	Vụ việc tàu bay bị FOD (không bao gồm vụ việc cắt lớp)	7.70	8.43	7.70	Giảm 8%	10.21	12.71	15.22	
7	Sự cố tắt động cơ trên không (vv/10,000FC)	0.00	0.00	0.00	Bằng	0.16	0.32	0.48	
8	Báo cáo tự nguyện		48	53/tháng	Tăng 5%				
9	Số khuyến cáo An toàn sau mỗi lần đánh giá	Tổng hợp, đánh giá trong năm 2025 để xem xét, xây dựng KPI từ 2026							

V. BỘ CHỈ SỐ AN TOÀN LĨNH VỰC KHAI THÁC MẶT ĐẤT – SAG3

Chỉ số		Mục tiêu 2025 (KPI/ 10,000 CB)	Ghi chú
1	MOR (Chỉ số: 6)	0	
2	MOR (Chỉ số: 7 và 8)	0	
3	MOR (Chỉ số: 11)	0	KPI/1,000 lô DG
4	MOR (Chỉ số: 12)	0	
5	MOR (Chỉ số: 13)	0	

Chỉ số		Mục tiêu 2025 (KPI/ 10,000 CB)	Ghi chú
6	Va chạm giữa trang thiết bị mặt đất với tàu bay	0	
7	Cân bằng trọng tải	0.30	
8	Giám sát và chất xếp	2.10	
9	Kiểm soát hành khách	0.31	
10	Phục vụ Hàng hóa	0.25	
11	Phục vụ Hàng nguy hiểm	1.92	KPI/1,000 lô DG
12	Vụ việc liên quan đến tra nạp nhiên liệu	0.08	
13	Không tuân thủ những quy trình đã thiết lập tại sân đỗ tàu bay	0.3	
14	Sự cố, vụ việc nguyên nhân do yếu tố con người	0.93	
15	Báo cáo tự nguyện	300	KPI đạt 300 báo cáo